TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-02-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;

2. Ông Lê Văn Rẽn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2021/TLHNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê HH, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp LH 2, xã LC, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị KA, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp LH 2, xã LC, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp LT, xã LK, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Lê HH trình bày*: Anh và chị Nguyễn Thị KA tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Lê MS, sinh ngày 17/8/2010 và Lê N.YN, sinh ngày 18/11/2015, hiện anh đang nuôi cháu S còn chị A đang nuôi cháu N. Tài sản chung và nợ chung không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cải vã nhau, do chị A thường hay đi sớm về trễ và bất đồng quan điểm mà nhất là trong việc quản lý chi tiêu kinh tế gia đình, không thể dung hòa được từ đó cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tuy nhiên để đảm bảo cuộc sống hôn nhân lâu dài, anh chị đã cố gắng sống hòa thuận để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc nuôi dạy con, nhưng sự việc ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không bàn bạc việc đoàn tụ, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Anh nhận thấy tình cãm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị A .

Về con chung: Anh yêu cầu anh và chị A mỗi người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 cháu. Cụ thể anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê MS, sinh ngày 17/8/2010; Chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê N.YN, sinh ngày 18/11/2015. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị KA trình bày*: Do chị A vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án được thụ lý vào ngày 26/4/2021 nhưng đến ngày 12/01/2022 mới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H ; Con chung, giao cho anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê MS, sinh ngày 17/8/2010 và chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê N.YN, sinh ngày 18/11/2015, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản và nợ chung, anh H khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê HH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và chị Nguyễn Thị KA đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh H và chị A kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị kết hôn và chung sống từ năm 2009, đến năm 2017 anh chị không còn hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh chị đã cố gắng dung hòa và đã tạo cơ hội để cả hai tiếp tục chung sống nhưng không được và anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai chứng tỏ anh chị đều không có thiện chí hàn gắn gia đình. Hơn nữa tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2022, bà Lê Thị Nhạn (mẹ ruột chị A) cho rằng chị A đồng ý ly hôn. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh H và chị A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê MS, sinh ngày 17/8/2010 và chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê N.YN, sinh ngày 18/11/2015, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu S có nguyện sống với anh H và từ ngày anh chị sống ly thân cháu S và cháu N đã sống với anh chị ổn định và được anh chị trông nom, chăm sóc tốt. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cho anh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu S và giao cho chị A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con anh H và chị A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này chị A có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với kiến nghị vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và phải thực hiện nghiêm việc cách ly xã hội để thực hiện phòng, chống dịch theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên không thể đưa vụ án ra xét xử theo đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê HH với chị Nguyễn Thị KA. Anh H được ly hôn với chị A .

2. Về con chung: Giao cho anh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lê MS, sinh ngày 17/8/2010 và chị A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lê N.YN, sinh ngày 18/11/2015. Anh H và chị A không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014762 ngày 26-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã LC
(Số 53/2009);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui